

TRƯỜNG ĐH HÀNG HẢI VIỆT NAM
HỆ THI SÁT HẠCH NGOẠI NGỮ

KẾT QUẢ THI SÁT HẠCH CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ
CHO HỌC VIÊN SAU ĐẠI HỌC (ĐỢT 1 - 2023)

Cấp độ thi: Bậc 4/6

Địa điểm:

Ngày thi: 28/5/2023

STT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Ghi chú
							Nghe	Đọc	Viết	Nói		
1	001	Bùi Hương Quỳnh	Anh	Nữ	01/05/1983	Hải Phòng	13	21	21	18	73	
2	002	Phạm Hoàng	Anh	Nam	09/09/1998	Hải Phòng	13	20	19	13	65	
3	003	Phạm Thế	Anh	Nam	19/05/1996	Hải Phòng	14	22	9	7	52	
4	004	Phạm Thùy	Anh	Nữ	11/07/1990	Thái Bình	17	20	12	8	57	
5	005	Vũ Hoàng	Anh	Nam	15/07/1996	Hải Phòng	10	21	10	11	52	
6	006	Đỗ Quang	Bính	Nam	08/01/1987	Thái Bình	9	19	18	19	65	
7	007	Trần Minh	Châu	Nam	02/10/1985	Thanh Hóa	17	22	9	15	63	
8	008	Nguyễn Quỳnh	Chi	Nữ	13/10/1994	Hải Phòng	10	22	12	14	58	
9	009	Bùi Trọng	Chúc	Nam	29/01/1997	Hải Phòng	16	23	21	17	77	
10	010	Nguyễn Đức	Công	Nam	10/12/1996	Hải Phòng	15	19	2	11	47	Không đạt
11	011	Nguyễn Đăng	Đặng	Nam	04/06/1993	Hải Dương	13	21	11	13	58	
12	012	Trương Văn	Đạt	Nam	25/02/1988	Hưng yên	11	21	18	18	68	
13	013	Trần Ngọc	Diên	Nam	19/12/1989	Thái Bình	19	20	21	18	78	
14	014	Phí Minh	Đức	Nam	28/11/1991	Thái Bình	14	19	16	16	65	
15	015	Trần Ngọc	Đức	Nam	28/09/1983	Hải Dương	12	21	21	18	72	
16	016	Nguyễn Thị Phương	Dung	Nữ	23/12/1994	Hải Phòng	16	22	21	19	78	

STT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Ghi chú
							Nghe	Đọc	Viết	Nói		
17	017	Lê Tiến	Dũng	Nam	01/09/1994	Hải Phòng	10	12	9	8	39	Không đạt
18	018	Nguyễn Tuấn	Dương	Nam	08/03/1984	Hải Phòng	16	23	9	7	55	
19	019	Trần Hoàng	Dương	Nam	26/07/1991	Hải Phòng	13	23	20	19	75	
20	020	Nguyễn Mạnh	Duy	Nam	05/06/1989	Hải Dương	12	21	9	9	51	
21	021	Đỗ Thị Hương	Giang	Nữ	19/09/1991	Hải Phòng	15	22	16	8	61	
22	022	Nguyễn Thị Hương	Giang	Nữ	10/03/1991	Hải Phòng	12	21	12	8	53	
23	023	Nguyễn Thị Hải	Hà	Nữ	04/03/1992	Hải Phòng	17	24	22	14	77	
24	024	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	29/06/1983	Hải Phòng	16	22	18	10	66	
25	025	Nguyễn Thu	Hà	Nữ	25/10/1983	Hà Nội	18	21	21	16	76	
26	026	Hà Thanh	Hải	Nam	23/05/1997	Hải Phòng	13	21	19	14	67	
27	027	Nguyễn Ngọc	Hải	Nam	02/07/1979	Hải Phòng	10	14	16	15	55	
28	028	Phạm Quang	Hải	Nam	20/01/1981	Hải Phòng	17	23	16	15	71	
29	029	Trần Thanh	Hải	Nam	18/11/1997	Hải Phòng	16	25	21	8	70	
30	030	Vũ Ngọc	Hải	Nữ	07/01/1997	Hải Phòng	19	25	20	13	77	
31	031	Nguyễn Anh	Hào	Nam	14/07/1998	Hải Phòng	12	22	15	8	57	
32	032	Phạm Thị	Hiền	Nữ	11/12/1992	Hải Phòng	19	26	21	9	75	
33	033	Phạm Thị Dương	Hiền	Nữ	02/01/1993	Hải Phòng	15	24	19	8	66	
34	034	Đào Mạnh	Hiếu	Nam	23/03/1987	Hải Phòng	17	23	20	7	67	
35	035	Lưu Văn	Hiếu	Nam	22/05/1990	Hải Phòng	15	27	15	8	65	

STT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Ghi chú
							Nghe	Đọc	Viết	Nói		
36	036	Trần Xuân	Hiếu	Nam	08/11/1986	Hải Phòng	14	22	15	10	61	
37	037	Vũ Thị Thanh	Hoa	Nữ	15/12/1987	Hải Phòng	15	26	16	13	70	
38	038	Trần Quốc	Hoàn	Nam	27/06/1996	Hải Phòng	17	24	20	14	75	
39	039	Phùng Nhật	Hoàng	Nam	06/07/1999	Yên Bái	13	25	14	7	59	
40	040	Bùi Duy	Hùng	Nam	28/03/1981	Hải Phòng	13	26	10	12	61	
41	041	Đỗ Mạnh	Hùng	Nam	23/12/1980	Hải Phòng	19	25	20	11	75	
42	042	Nguyễn Văn	Hùng	Nam	03/09/1974	Hải Phòng	16	25	22	13	76	
43	043	Phạm Văn	Hùng	Nam	01/05/1997	Thái Bình	15	25	18	8	66	
44	044	Đỗ Quang	Hùng	Nam	12/06/1994	Hải Phòng	16	22	20	15	73	
45	045	Ngô Quang	Hùng	Nam	15/02/1985	Hà Nội	15	26	18	9	68	
46	046	Ngô Gia	Huy	Nam	26/10/1986	Hải Phòng	13	22	19	9	63	
47	047	Vũ Đức	Huy	Nam	05/10/1998	Hải Phòng	19	23	16	14	72	
48	048	Đặng Văn	Khánh	Nam	13/05/1989	Hà Nam	12	21	0	7	40	Không đạt
49	049	Nguyễn Xuân	Khánh	Nam	17/05/1991	Hà Nội	14	25	10	11	60	
50	050	Bùi Tùng	Lâm	Nam	30/04/1999	Hải Phòng	8	19	14	10	51	
51	051	Lưu Tùng	Lâm	Nam	25/03/1996	Phú Thọ	12	28	11	8	59	
52	052	Trần Thị	Lan	Nữ	20/10/1983	Thanh Hóa	10	24	9	8	51	
53	053	Đào Nhật	Linh	Nữ	21/11/1999	Hải Phòng	9	26	12	10	57	
54	054	Nguyễn Xuân	Linh	Nữ	20/03/1995	Hải Phòng	7	24	24	8	63	

STT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Ghi chú
							Nghe	Đọc	Viết	Nói		
55	055	Lê Thanh	Loan	Nữ	24/05/1984	Hải Phòng	18	22	24	15	79	
56	056	Lê Đỗ Hải	Long	Nam	03/11/1999	Hải Phòng	17	23	16	17	73	
57	057	Vũ Văn	Lục	Nam	08/02/1986	Hải Phòng	13	21	9	7	50	
58	058	Nguyễn Tiến	Mạnh	Nam	17/11/1985	Hải Phòng	13	20	9	9	51	
59	059	Trần Bình	Minh	Nam	06/10/1999	Hải Phòng	16	23	15	15	69	
60	060	Nguyễn Hải	Nam	Nam	01/11/1987	Hải Phòng	13	22	17	13	65	
61	061	Nguyễn Nhật	Nam	Nam	07/09/1999	Hải Phòng	11	24	15	11	61	
62	062	Đỗ Thị Thanh	Ngọc	Nữ	12/11/1984	Hải Phòng	17	26	16	11	70	
63	063	Phạm Thị Bích	Ngọc	Nữ	07/01/1991	Hải Phòng	19	25	22	18	84	
64	064	Nguyễn Trọng	Nhân	Nam	09/07/1997	Hải Phòng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
65	065	Lê Thái	Nhật	Nam	15/02/1996	Hải Phòng	13	20	19	11	63	
66	066	Bùi Thị	Nhung	Nữ	21/01/1981	Hải Phòng	5	17	7	1	30	Không đạt
67	067	Vũ Thị	Ninh	Nữ	07/02/1992	Thái Bình	13	24	21	11	69	
68	068	Đặng Đức Hoàng	Phương	Nam	23/02/1996	Hải Phòng	6	16	18	10	50	
69	069	Lê Thị Thanh	Phương	Nữ	06/04/1980	Hải Phòng	7	21	14	8	50	
70	070	Nguyễn Thị Mai	Phương	Nữ	27/10/1997	Hải Phòng	9	24	9	12	54	
71	071	Nguyễn Hồng	Quân	Nam	31/07/1988	Phú Thọ	1	10	15	11	37	Không đạt
72	072	Nguyễn Minh	Quang	Nam	06/10/1997	Hải Phòng	13	21	18	6	58	
73	073	Nguyễn Xuân	Quang	Nam	03/09/1994	Hải Phòng	17	25	20	15	77	

STT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Ghi chú
							Nghe	Đọc	Viết	Nói		
74	074	Vũ Văn	Quang	Nam	12/06/1984	Hải Phòng	11	24	19	16	70	
75	075	Vũ Văn	Quý	Nam	03/04/1987	Hải Dương	14	22	10	15	61	
76	076	Lê Xuân	Sáng	Nam	26/05/1981	Hà Nội	12	14	12	10	48	Không đạt
77	077	Cao Xuân	Son	Nam	25/03/1998	Hải Phòng	17	26	22	12	77	
78	078	Lê Thị	Thắm	Nữ	03/11/1978	Quảng Ninh	12	21	10	10	53	
79	079	Vũ Đình	Thắng	Nam	01/09/1979	Hải Phòng	2	17	7	6	32	Không đạt
80	080	Đình Văn	Thanh	Nam	17/09/1981	Hải Phòng	11	21	15	13	60	
81	081	Phạm Mạnh	Thành	Nam	14/11/1983	Hải Phòng	18	25	17	11	71	
82	082	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	20/01/1998	Hải Phòng	19	27	22	18	86	
83	083	Nguyễn Thu	Thảo	Nữ	28/02/1992	Hải Phòng	19	28	22	12	81	
84	084	Trần Thị Phương	Thảo	Nữ	05/04/1997	Nam Định	14	28	20	8	70	
85	085	Lưu Ngọc	Thiện	Nam	01/02/1991	Thái Bình	11	24	18	14	67	
86	086	Đặng Đình	Thịnh	Nam	13/11/1997	Hải Phòng	15	29	19	11	74	
87	087	Trương Thị	Thoi	Nữ	30/01/1988	Hung Yên	15	27	20	8	70	
88	088	Nguyễn Thị Phương	Thúy	Nữ	19/12/1994	Hải Phòng	15	28	13	16	72	
89	089	Nguyễn Thủy	Tiên	Nữ	31/10/1997	Hải Phòng	18	27	18	15	78	
90	090	Nguyễn Quang	Tiến	Nam	26/08/1992	Hải Phòng	19	28	24	19	90	
91	091	Phạm Hồng	Tiến	Nam	25/09/1972	Thái Bình	16	22	9	10	57	
92	092	Bùi Thanh	Trà	Nữ	09/12/1995	Hải Phòng	17	27	16	12	72	

STT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm kỹ năng				Tổng điểm	Ghi chú
							Nghe	Đọc	Viết	Nói		
93	093	Bùi Thị Huyền	Trang	Nữ	14/10/1988	Hải Phòng	15	23	17	19	74	
94	094	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	13/06/1999	Hải Phòng	15	27	24	15	81	
95	095	Vũ Thị Thu	Trang	Nữ	24/04/1987	Hải Phòng	18	25	20	12	75	
96	096	Nguyễn Quang	Triệu	Nam	20/09/1994	Thái Bình	11	25	6	14	56	Không đạt
97	097	Nguyễn Quang	Trung	Nam	13/06/1993	Hải Phòng	9	24	16	15	64	
98	098	Hoàng Thanh	Trường	Nam	20/07/1986	Thái Bình	13	21	16	14	64	
99	099	Ngô Đăng	Trường	Nam	27/10/1984	Hải Phòng	13	23	10	11	57	
100	100	Nguyễn Quang	Trường	Nam	07/10/1998	Hải Phòng	11	23	20	17	71	
101	101	Nguyễn Ngọc	Tú	Nam	04/07/1997	Hải Phòng	17	23	15	13	68	
102	102	Nguyễn Dương	Tuấn	Nam	17/12/1983	Hải Phòng	12	17	13	17	59	
103	103	Nguyễn Đặng Sơn	Tùng	Nam	27/10/1998	Hải Phòng	9	20	16	15	60	
104	104	Lương Đức	Việt	Nam	02/08/1989	Quảng Ninh	13	20	15	19	67	
105	105	Vũ Thị Mai	Vui	Nữ	13/04/1988	Hải Phòng	16	23	25	16	80	
106	106	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	16/08/1988	Quảng Ninh	7	14	16	12	49	Không đạt
107	107	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	16/06/1995	Hải Phòng	11	23	16	15	65	
108	108	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	26/06/1997	Hải Phòng	16	23	15	14	68	

CÁN BỘ CHẤM THI

Loan

ThS. Lê Thị Hồng Loan

THƯ KÝ CHẤM THI

Thúy

ThS. Đỗ Thị Thúy

THƯ KÝ MÁY TÍNH

Hải

ThS. Lê Hồng Hải

Hải Phòng, ngày 31 tháng 5 năm 2023



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. *Phạm Xuân Dương*